

**GIÁO DỤC VÀ ĐẠO ĐỨC LÀM QUAN
CỦA DÒNG HỌ HỒ (XÃ QUỲNH ĐÔI HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN) QUA TƯ LIỆU HÁN NÔM**

VŨ VIỆT BÀNG*

Tóm tắt: Dòng họ Hồ xã Quỳnh Đôi là dòng họ có truyền thống hiếu học và làm quan. Trải qua các triều đại Việt Nam, người họ Hồ xã Quỳnh Đôi đều có những người đỗ đạt khoa cử và tham gia hệ thống chính trị các cấp, trở thành nét đặc sắc của dòng họ này. Đối với người họ Hồ, giáo dục khoa cử và tòng chính có mối quan hệ nhân quả, trong đó giáo dục là nền tảng, tòng chính là kết quả. Thông qua tư liệu Hán Nôm, bài viết phân tích về giáo dục và đạo đức làm quan của người họ Hồ, bước đầu nhận xét mối quan hệ giữa giáo dục và đạo đức, trong đó có đạo đức làm quan của Nho gia Việt Nam.

Từ khóa: họ Hồ, Quỳnh Đôi, giáo dục Nho học, đạo đức, quan chức

Abstract: The Ho family of Quỳnh Đôi commune has a long-standing tradition of education and public service. Throughout various Vietnamese dynasties, members of the Ho family consistently passed imperial examinations and held positions in the political system at all levels, which became a distinguishing feature of the family. For the Ho family, education and public service have a causal relationship, with education serving as the foundation and public service as the outcome. This article, using Han Nom documents, presents an analysis of the Ho family's ethical values regarding education and public service. It also offers an initial perspective on the relationship between education and ethics, particularly within the context of Vietnamese Confucian ethics in public service.

Keywords: Ho family, Quỳnh Đôi, Confucian education, ethics, public offices

Đặt vấn đề

Dòng họ Hồ ở Quỳnh Đôi mở đầu từ thế kỷ XIV. Thủy tổ họ Hồ ở Quỳnh Đôi là Hồ Kha người Quỳ Trạch (huyện Yên Thành) cùng con trai là Hồ Hồng di cư đến đất này khai khẩn đất đai, đặt tên là trang Thổ Đôi. Bắt đầu từ đời thứ 5, dòng họ này chia thành 5 chi và số đình ngày càng đông đúc, trở thành một dòng họ lớn ở Quỳnh Đôi. Không chỉ có số nhân khẩu lớn, dòng họ Hồ còn có nền kinh tế đủ để

đáp ứng nhu cầu, chí hướng, đam mê theo đuổi tri thức của dòng họ. Trên nền tảng truyền thống Nho học, trải qua các triều đại lịch sử Việt Nam, dòng họ Hồ đều có người đỗ đạt, nhiều người đỗ đại khoa và tham gia vào hệ thống chính trị thời kì quân chủ. Nhờ vậy, khoa cử và tòng chính đã trở thành nét đặc sắc trong lịch sử phát triển của dòng họ Hồ ở Quỳnh Đôi.

* TS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm

1. Nghề đi học của dòng họ Hồ ở Quỳnh Đôi

“Nghề đi học” hay “nghề học” là một nghề do người dòng họ Hồ nói riêng và người xã Quỳnh Đôi đặt ra. Nghề đi học chưa thể xác định được định danh từ khi nào, nhưng khoa bảng dòng họ Hồ có lịch sử lâu đời. Thành tựu giáo dục của dòng họ Hồ ở Quỳnh Đôi mở đầu từ thời Hồ Ước Lễ (đời thứ 4) thi đỗ Tam trường thi Hội. Theo *Hồ gia hợp tộc phả ký*/ 胡嘉合族譜記¹, “Khi Lê Nhân Tông còn là Thái tử, ông được vào hầu. Đến khi vua lên ngôi, ban chiếu tổ chức khoa thi lấy Tiến sĩ, ông thi Hội trúng Tam trường”², kì thi này diễn ra vào năm Mậu Thìn niên hiệu Thái Hòa thứ 6 (1448) đời vua Lê Nhân Tông. Tuy nhiên, nghiệp học Nho giáo của dòng họ xuất phát từ Hồ Hân là tổ đời thứ 3. Hồ Hân được *Hồ gia hợp tộc phả ký* cho biết, ông thuở thiếu thời thông minh, giỏi phong thủy địa lý, vui với văn chương sơn thủy, hiệu là Cư Sĩ. Nhưng gặp thời loạn nên ông theo nghiệp võ, giúp Lê Thái Tổ đánh giặc Minh. Khi thái bình, được ban chức Kiêu thắng quân Đồng Tổng tri, chánh Tứ phẩm. Năm 70 tuổi, về trí sĩ, ông dạy con học thi thư, đem trung hiếu truyền dạy trong nhà³. Cứ liệu này cho thấy, mặc dù theo nghiệp võ, nhưng ý chí, mục đích và định hướng của Hồ Hân chính là việc học. Sách *Hồ gia hợp tộc phả ký* còn cho biết: “Nền văn học từ đây mà được thịnh vậy”⁴. Trong khi đó, Hồ Ước Lễ được coi là người mở mang nền “khoa đệ văn giai” của dòng họ⁵. Tuy nhiên, trong thời gian đầu thành lập dòng họ, do gặp loạn lạc nên nhiều vị tổ sơ khai

đều theo nghiệp võ, như Hồ Hân, Hồ Khắc Cần. Sau này, sự nghiệp văn và võ dòng họ Hồ được thực hiện song hành trong suốt quá trình phát triển dòng họ, nhưng nghiệp văn luôn được dòng họ coi trọng. Nếu coi Hồ Hân là điểm khởi đầu của nền giáo dục, Hồ Ước Lễ là vị tổ thi đỗ đầu tiên của dòng họ Hồ ở Quỳnh Đôi, thì tính đến nay văn hóa giáo dục dòng họ Hồ ở Quỳnh Đôi đã có lịch sử khoảng 600 năm. Từ đường Hồ Đại tộc hiện còn câu đối có nội dung:

肇基此地陳之季;

受祿于天黎以來。

Triệu cơ thử địa Trần chi quý;

Thụ lộc vu thiên Lê dĩ lai.

(Mở mang đất này từ thời cuối nhà Trần;

Nhận lộc từ trời từ thời Lê đến nay).

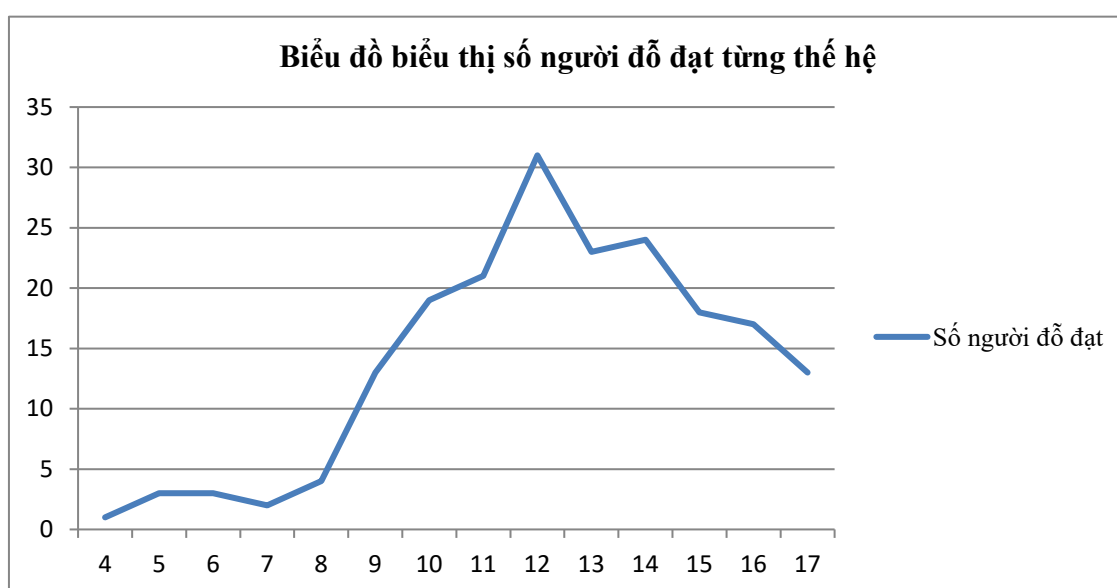
Trong lịch sử giáo dục của dòng họ, nhiều người dòng họ Hồ tham gia công tác quản lý giáo dục ở trong bộ máy hành chính nhà nước, như: Hồ Tài Ưu (đời thứ 10), Hồ Minh Bồng (đời thứ 10), Hồ Lượng Kiên (đời 11), Hồ Đăng Quỹ (đời 12), Hồ Sĩ Thiệu (đời 13); Hồ Sĩ Định (đời 13), Hồ Tất Tổ (đời thứ 13), Hồ Đạt Bản (đời thứ 15), Hồ Sĩ Tuynh (đời thứ 17) làm chức Huấn đạo (quản lý giáo dục của 1 huyện); Hồ Trọng Diễn (đời thứ 13) làm Đốc học (quản lý giáo dục của một tỉnh/đạo). Điều này thể hiện rằng, dòng họ chắc chắn đã quan tâm không nhỏ đến sự nghiệp giáo dục trong gia đình dòng họ. Nhờ vậy, giáo dục dòng họ Hồ càng có cơ hội phát triển, tiềm năng giáo dục ngày càng phát huy. Giáo dục trong dòng họ Hồ có sự phát triển liên tục, nhưng từ đời

thứ 10 đến đời 14 là thế hệ vàng. Có thể coi đây là kết quả của quá trình tích lũy giáo dục từ đời thứ 4 đến đời thứ 9. Mặt khác, những người làm công tác quản lý

giáo dục nói trên chủ yếu là người thuộc thế hệ từ 10 đến 14, đó cũng là nguyên nhân góp phần tạo nên thế hệ vàng trong lịch sử giáo dục khoa cử của dòng họ này.

Bảng số lượng người đỗ đạt theo từng thế hệ của dòng họ Hồ

Đời thứ	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Số lượng đỗ đạt	1	3	3	2	4	13	19	21	31	23	24	18	17	13



Hồ gia hợp tộc phả ký ghi chép đến đời thứ 18. Theo bản gia phả này, từ đời thứ 4 đến đời thứ 17 đời nào cũng có người đỗ đạt và có người đỗ học vị cao:

Đời thứ 4, Hồ Ước Lễ đỗ Tam trường thi Hội.

Đời thứ 5, Hồ Khắc Kiệm đỗ Tam trường thi Hội. Hồ Khắc Tuấn đỗ Hương giải (đỗ Giải nguyên kì thi Hương). *Hồ gia hợp tộc phả* kí còn cho biết, ông “cùng người anh thứ hai đỗ Hương giải”⁶.

Đời thứ 6, Hồ Văn Nguyên, Hồ Hoàn Khê đỗ Tam trường thi Hội.

Đời thứ 7, chỉ có Hồ Quang Tế, Hồ Nhân Hy là Giám sinh, nhưng Hồ Nhân Hy còn đỗ kì thi Võ cử.

Đời thứ 8, Hồ Đình Chúc, Hồ Nhân Tiệm đỗ Tam trường thi Hội.

Đời thứ 9, Hồ Tài Trí, Hồ Quảng Trung đỗ Tam trường thi Hội.

Đời thứ 10, Hồ Sĩ Dương đỗ Tiến sĩ, Hồ Minh Bồng, Hồ Tài Ưu đỗ Tam trường thi Hội.

Đời thứ 11, Hồ Phi Tích đỗ Tiến sĩ, Hồ Sĩ Đôn, Hồ Sĩ Phương, Hồ Sĩ Tông, Hồ Lượng Kiên đỗ Tam trường thi Hội.

Đời thứ 12, Hồ Sĩ Tân đỗ Tiến sĩ, Hồ Đăng Quỹ, Hồ Phi Nhạ, Hồ Phi Dịch, Hồ Phi Lãi, Hồ Phi Thường đỗ Tam trường thi Hội.

Đời thứ 13, Hồ Trọng Diễm đỗ Tam Trường thi Hội.

Đời thứ 14, Hồ Sĩ Đống đỗ Tiến sĩ, Hồ Sĩ Thích đỗ Tam trường thi Hội, Hồ Sĩ Đề đỗ Giải nguyên.

Đời thứ 15, Hồ Bá Ôn đỗ Phó bảng, Hồ Phi Tự đỗ Giải nguyên.

Đời thứ 16, Hồ Sĩ Tuân đỗ Tiến sĩ.

Đời thứ 17, Hồ Sĩ Du, Hồ Trọng Phiên đỗ Cử nhân.

Vì vậy, người dân họ Hồ và xã Quỳnh Đôi có câu ca dao: “Làng Quỳnh lắm kẻ đăng khoa; Ông Nghè, ông Cử như hoa vườn quỳnh”. Theo *Lịch sử Đảng bộ xã Quỳnh Đôi*, toàn xã Quỳnh Đôi có 21 dòng họ với 962 người đỗ đạt trong thời kì quân chủ, thì dòng họ Hồ có 494 người đỗ đạt (chiếm 51%), trong đó số người đỗ Tú tài và tương đương chiếm 50%, số người đỗ Cử nhân và tương đương chiếm 48%, số người đỗ Tam trường chiếm 54%, đặc biệt là số người đỗ Tiến sĩ chiếm 58%⁷.

2. Học để đỗ đạt

Hồ gia hợp tộc phả kí chỉ ghi các thế hệ với học vị tương ứng cho nên không thể thống kê người theo nghề học. Căn cứ vào tỉ lệ những người có học vị trong toàn dòng họ (với 20%), có thể thấy nghề học chiếm tỉ lệ cao trong cơ cấu nghề nghiệp của dòng họ.

Mục đích của việc đi học không đơn thuần chỉ là học tập nâng cao đạo đức Nho giáo, hiếu kính cha mẹ, hòa thuận anh em, mà còn là hướng đến những giá

trị thực dụng, đó là đỗ đạt, vinh quy bái tổ. Việc học không đơn giản chỉ là chí hướng mà người họ Hồ coi đây là một nghề, hay là một nhiệm vụ, nên nhiều người họ Hồ tham gia nhiều cuộc thi: như Hồ Sĩ Dương đỗ Tiến sĩ nhưng vẫn tham gia thi khoa Đông các; Hồ Sĩ Tông đỗ Tam trường thi Hội, sau đó thi Sĩ vọng trúng Đệ nhất danh.

Mục tiêu hướng đến của nghề học chính là đỗ học vị cao nhất (Tiến sĩ) nên nhiều người thi nhiều lần: Hồ Sĩ Thích nhiều lần thi trúng Tam trường; Hồ Hoàn Khê nhiều lần đỗ Tam trường; Hồ Nhân Tiệm thi 7 lần thi Hội đều đỗ Tam trường; Hồ Nhân Quế 7 lần thi Hội đều đỗ Tam trường; Hồ Quảng Trung 8 lần thi Hội đều đỗ Tam trường. Để đạt được học vị cao nhất, nhiều người họ Hồ miệt mài tham gia khoa cử, bất kể tuổi tác, như Hồ Minh Bồng 52 tuổi thi trúng Tam trường; Hồ Sĩ Đề 47 tuổi đỗ Giải nguyên. Và cũng để đạt được mục tiêu đỗ đạt, nên nhiều người dòng họ Hồ đã đổi tên để mong “đổi vận”, như Hồ Sĩ Dương vốn tên là Hồ Ngọc, đổi tên là Sĩ Dương trước khi dự thi kì thi Hương năm 1651, sau đó đỗ Tiến sĩ; Hồ Sĩ Đề đổi tên trước khi ứng thí khoa thi Hương năm 1807, sau đó đỗ Giải nguyên.

Mặc dù đi học là chí hướng chung của nam nhi thời quân chủ và là con đường hướng đến của nhiều dòng họ ở Việt Nam, nhưng rất ít dòng họ giữ được tính bền vững. Trên nền tảng truyền thống Nho học và yếu tố mang tính tự nhiên, người họ Hồ có tư chất thông minh, học giỏi từ nhỏ. Theo *Hồ gia hợp tộc phả kí*, dòng họ có nhiều người nổi tiếng là thần đồng và nhiều người có tài văn chương từ nhỏ.

Những vị có tiếng thần đồng, thông minh của dòng họ Hồ

STT	Tên	Thiếu đỉnh ngộ (thông minh từ thiếu thời), hữu văn học (có văn học), hữu tài danh (có tài danh)...	Thần đồng danh (có tiếng là thần đồng)
1	Hồ Hân	x	
2	Hồ Khắc Cần	x	
3	Hồ Khắc Tuấn	x	
4	Hồ Sĩ Ninh		x
5	Hồ Đình Tranh		x
6	Hồ Sĩ Hoành	x	
7	Hồ Sĩ Đôn		x
8	Hồ Sĩ Thực		x
9	Hồ Sĩ Dương	x	
10	Hồ Sĩ Dung		x
11	Hồ Sĩ Tân		x
12	Hồ Sĩ Sùng		x
13	Hồ Sĩ Đống	x	
14	Hồ Nhân Tiệm		x
15	Hồ Sĩ Anh	x	

Trên nền tảng thông minh và truyền thống học tập, kể từ đời thứ 4 đến đời thứ 17, thế hệ nào cũng có nhiều người đỗ đạt và đỗ đạt cao. Những thế hệ đầu (đời thứ 4, 5, 6, 7, 8, 9) do số người ít nên số lượng người đỗ đạt cũng ít, nhưng thường đỗ đạt khá cao, với 9 vị thi đỗ Tam trường thi Hội, 1 vị thi đỗ Hương giải: Hồ Ước Lễ (đời thứ 4), Hồ Khắc Kiệm (đời thứ 5), Hồ Văn Nguyên (đời thứ 6), Hồ Hoàn Khê (đời thứ 6), Hồ Đình Chúc (đời thứ 8), Hồ Diễn (đời thứ 8), Hồ Nhân Tiệm (đời thứ 8), Hồ Quảng Trung (đời thứ 9), Hồ Nhân Quế (đời thứ 9) đỗ Tam trường thi Hội; Hồ Khắc Tuấn (đời thứ 5) đỗ Hương giải. Từ đời thứ 9 đến đời 12, số lượng người đỗ đạt của dòng họ Hồ liên tục tăng lên. Đời thứ 10 tăng 6 người so với đời thứ 9; đời thứ 11 tăng 2 người so với đời thứ 10; đời thứ 12 tăng 10 người so với đời thứ 11. Đặc biệt là từ đời 10 đến 12 đều có người đỗ Tiến sĩ: Hồ Sĩ Dương đời thứ 10; Hồ

Phi Tích đời thứ 11, Hồ Sĩ Tân đời thứ 12. Từ đời 11 đến đời 13, số người thi đỗ Tam trường (thi Hội) cũng có số lượng không ít, với 13 vị: Hồ Sĩ Anh (đời thứ 10), Hồ Tài Ưu (đời thứ 10), Hồ Minh Bồng (đời thứ 10), Hồ Sĩ Phương (đời thứ 11), Hồ Sĩ Tông (đời thứ 11), Hồ Lượng Kiên (đời thứ 11), Hồ Sĩ Đôn (đời thứ 11), Hồ Phi Nhạ (đời thứ 12), Hồ Phi Dịch (đời thứ 12), Hồ Phi Lãi (đời thứ 12), Hồ Phi Thưởng (đời thứ 12), Hồ Sĩ Thực (đời thứ 12), Hồ Đăng Quỹ (đời thứ 12).

Trên cơ sở nghề học, dòng họ Hồ đã hình thành các gia đình khoa bảng, như:

Chi 2: Gia đình Hồ Phi Hiên (đời thứ 9) với 4 đời liên tiếp đỗ đạt, trong đó đời 11 là Hồ Phi Tích đỗ Tiến sĩ, con của Hồ Phi Tích đều đỗ đạt cao đến Tam trường thi Hội, với 4 người đỗ Tam trường thi Hội, 2 người đỗ Hương cống.

Chi 3: Gia đình Hồ Đình Chúc (đời thứ 8) với 6 đời liên tiếp có người đỗ đạt,

trong đó Hồ Đình Chúc đỗ Tam Trường thi Hội. Gia đình Hồ Hoàng (đời thứ 9) có 7 đời liên tiếp có người đỗ đạt, trong đó Hồ Sĩ Dương (đời thứ 10), Hồ Sĩ Tân (đời thứ 12) đỗ Tiến sĩ. Gia đình Hồ Sĩ Dương có liên tiếp 5 đời có người đỗ đạt. Con trai Hồ Sĩ Dương có 1 người đỗ Tam trường thi Hội, 1 người đỗ Hương cống. Gia đình Hồ Lượng Kiên (đời thứ 11) có 4 đời liên tiếp đỗ đạt, trong đó Hồ Lượng Kiên, con trai (đời thứ 12) đỗ Tam trường thi Hội, chắt (đời thứ 14) đỗ Hương cống.

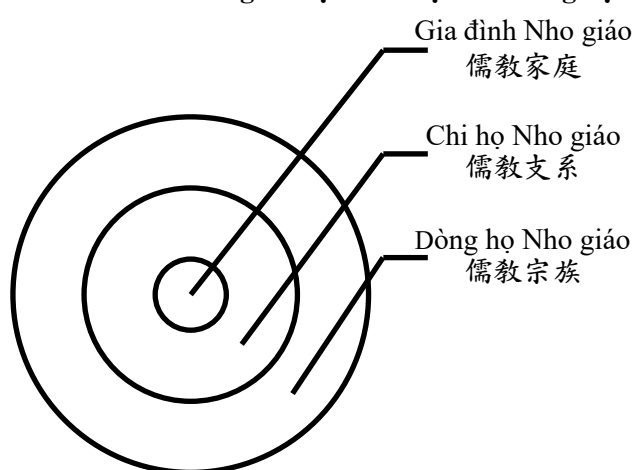
Chi 4: Gia đình Hồ Hoàn Khê (đời thứ 6) với 10 đời liên tiếp có người đỗ đạt, trong đó Hồ Hoàn Khê và cháu (đời thứ 8), chắt (đời thứ 9) đỗ Tam trường thi Hội. Gia đình Hồ Công Quyền (đời thứ 10) với 7 đời liên tiếp có người đỗ đạt.

Chi 5: Gia đình Hồ Bá Côi (đời thứ 12) với 6 đời liên tiếp có người đỗ đạt. Gia đình Hồ Bá Kính (đời thứ 12) có 5 đời có người đỗ đạt. Gia đình Hồ Bá Phò (đời thứ 14) với 4 đời liên tiếp có người đỗ đạt.

Ngoài ra, một số gia đình có anh em cùng đỗ đạt trong cùng một kì thi, như Hồ Sĩ Dung, Hồ Sĩ Tân (là con của của Hồ Sĩ Tông) đều đỗ kì thi Hương năm Canh Tý niên đại Bảo Thái (1720), đến năm 1721, Hồ Sĩ Tân đỗ Tiến sĩ; Hồ Sĩ Thích, Hồ Sĩ Trạc (là con của Hồ Sĩ Danh) cùng đỗ kì thi Hương năm Ất Dậu (1765).

Phong trào học tập của dòng họ mang giá trị cổ động tinh thần hiếu học và chí nguyện đỗ đạt của người dòng họ Hồ. Trong nhiều gia đình, đời cha ông không đỗ đạt nhưng đời con cháu bắt đầu đỗ đạt liên tục. Cá biệt có gia đình con đỗ đạt trước, bố đỗ đạt sau, như Hồ Sĩ Soạn đỗ Hương cống khoa thi Mậu Tý (1768) thì bố là Hồ Sĩ Khoan đỗ Tam trường thi Hội khoa thi Tân Mão (1771). Trong đó, có những vị thi nhiều lần mới đỗ, đến khi cao tuổi mới đỗ đạt như Hồ Minh Bồng đến 52 tuổi mới đỗ Tam trường thi Hội.

Biểu đồ: Kết cấu giáo dục Nho học của dòng họ Hồ



Trên nền tảng những gia đình khoa bảng, dòng họ Hồ đã hình thành nên các chi phái khoa bảng. Về cơ bản 5 chi phái họ Hồ đều là chi phái khoa bảng, đều có

người đỗ đạt, chi 1 có 13 người, chi 2 có 14 người, chi 3 có 79 người, chi 4 có 37 người, chi 5 có 50 người. Chi 2 tuy có số người đỗ ít, xét theo tỉ lệ thì số người đỗ

đạt chiếm tỉ lệ cao (với 32%). Trong khi đó chi 4 cũng có tỉ lệ đỗ đạt cao với 31%. Các chi họ đều có người đỗ đạt, nhưng người đỗ đạt cao là người thuộc chi 2, chi 3, lần lượt có 1, 4 Tiến sĩ. Những người đỗ Tam trường thi Hội là người chi 2, 3, 4, 5. Xét trên tiêu chí đỗ đạt thì các chi phái có tính đồng đều, còn xét trên tiêu chí thành tích cao thì chưa có tính đồng đều. Dù vậy, chi họ nào cũng có người đỗ đạt đã khẳng định tinh thần theo nghề học của các chi phái là tương đồng.

Trên nền tảng các chi phái khoa bảng, dòng họ Hồ đã trở thành một dòng họ khoa bảng. *Hồ gia hợp tộc phả kí* ghi chép 951 người thì có 193 người đỗ đạt (chiếm tỉ lệ 20%), trong đó có 5 vị đỗ

Tiến sĩ, 24 vị đỗ Tam trường thi Hội và nhiều người đỗ Hương cống/Cử nhân. Số người đỗ đạt trải rộng ở tất cả các học vị từ cao đến thấp (Tiến sĩ, Phó bảng, Tam trường thi Hội, Giải nguyên/Hương cống/Cử nhân, Sinh đồ/Tú tài) đều được ghi trong gia phả, điều này đã thể hiện việc coi trọng việc học và học vị nào cũng đáng để lưu danh. *Hồ gia hợp tộc phả kí* ghi chép thể hệ gắn với học tập, học vị và quan chức, chứ không gắn với công việc khác, điều này cho thấy đây không những là bản phả thể hệ mà còn là bản phả khoa bảng của dòng họ Hồ. Và từ những con số, cách soạn gia phả như vậy, chúng tôi cho rằng dòng họ Hồ là dòng họ khoa bảng, với hệ giá trị khoa bảng (tinh thần hiếu học, mục tiêu đỗ đạt, và mục đích làm quan).

Bảng kê số người đỗ đạt (các học vị) và người làm quan của các chi phái dòng họ Hồ (theo *Hồ gia hợp tộc phả kí*)

	Chi 1 Hồ Khắc Cần	Chi 2 Hồ Khắc Kiệm	Chi 3 Hồ Khắc Tuấn	Chi 4 Hồ Sùng Đức	Chi 5 Hồ Định	Tổng số
Số người trong chi họ	65	44	447	118	277	951
Số người đỗ đạt	13	14	79	37	50	193
Tỉ lệ đỗ đạt	18%	32%	18%	31%	18%	20%
Số người có quan tước	11	6	28	20	22	87
Tiến sĩ	0	1	4	0	0	5
Phó bảng	0	0	0	0	1	1
Tam trường thi Hội	0	6	7	6	5	24
Hương cống	0	2	8	0	0	9
Cử nhân	1	0	1	1	6	9
Giải nguyên	0	1	2	0	0	3
Giám sinh	2	0	5	6	3	16
Sinh đồ	6	2	29	15	22	75
Tú tài	3	1	9	7	10	30
Hiệu sinh	0	0	4	1	1	6
Nho sinh, Nho sinh trúng thức	1	0	10	1	2	13

3. Đỗ đạt để làm quan

Mục đích thực dụng của việc học là làm quan, và người họ Hồ cũng không ngoại lệ. Theo *Hồ gia hợp tộc phả kí*, số người làm quan của dòng họ Hồ là 87 người. Vì *Hồ gia hợp tộc phả kí* chủ yếu ghi về học vị, đồng thời cũng không thể thu thập hết thông tin các thành viên, nên nhiều người làm quan không được ghi chép cụ thể. Vì vậy, số người làm quan chắc chắn không chỉ có 87 người.

Người dòng họ Hồ tham gia hệ thống chính trị ở tất cả các cấp từ địa phương đến trung ương, từ văn đến võ trong bộ máy nhà nước quân chủ. Quan chức cao nhất đến Thượng thư, Tham tụng; Trật cao nhất đến Chánh nhất phẩm; Quan hàm cao nhất đến Đặc tiến Kim tử Vinh lộc Đại phu; Tước cao nhất đến Quận công.

Quan lại văn ban: Quan lại địa phương: thấp nhất từ cấp tổng: có Chánh tổng, Tuần tổng; cấp huyện có Tri huyện, Huyện thừa, Huấn đạo; cấp tỉnh, phủ có Tuần phủ, Thiệu doãn, Án sát, Hiến sát sứ, Thừa chánh sứ, Hữu Tham nghị, Hiến án Phó sứ, Tri phủ, Tri châu, Đốc học, Huấn đạo; cấp trung ương có: Thượng thư, Tham tụng, Tả Thị lang, Tham tri, Viên ngoại lang, Tả Đô Ngự sử, Bộ đường Đô lại, Thị nội Văn chức, Thị chiếu, Thị chế, Diên tịch, Diên sự.

Quan lại võ ban: Chuyển vận sứ, Tổng tri, Kiêu thắng quân Đồng tổng tri, Chỉ huy Thiêm sự, Chánh đội trưởng, Quản lĩnh, Hiệp quản, Cai đội, Đội trưởng.

Quan hàm: Đặc tiến Kim tử Vinh lộc Đại phu, Hiến cung Đại phu, Hoàng tín Đại phu, Triều liệt Đại phu, Mậu lâm lang...

Tước: Quận công, Hầu, Bá, Tử.

Trong số quan lại họ Hồ, số người làm quan ở trung ương và làm quan ở ngạch văn chiếm số lượng chủ yếu. Dòng họ Hồ khởi thủy từ thời loạn nên vốn theo nghiệp võ nhưng sau đó đã chuyển sang nghiệp văn. Dù vậy, trong suốt quá trình phát triển, dòng họ vẫn có nhiều người đổi từ văn sang nghiệp võ, như Hồ Nhân Hy là Giám sinh sau lại trúng Võ cử nên đổi sang nghiệp võ; Hồ Quảng Trung trúng Tam trường thi Hội sau đó đổi sang nghiệp võ; Hồ Nhân Quế đỗ Tam trường thi Hội nhưng tham gia nghiệp quân; Hồ Tài Trí thi trúng Tam trường thi Hội sau đó đổi nghiệp võ, cùng với Hồ Văn Minh, Hồ Diễn, Hồ Tề Danh được gọi là “Tứ lân”...

Về cơ bản, những người ra làm quan cho triều đình quân chủ đều là người có đỗ đạt, chí ít cũng đỗ Sinh đồ hoặc Tú tài. Trong số 87 người làm quan của dòng họ Hồ thì có 46 người có học vị từ Sinh đồ, Tú tài trở lên. Những người có học vị cao thì thường có chức vụ cao, như Hồ Sĩ Dương đỗ Tiến sĩ, làm quan đến Thượng thư, Tham tụng, Duệ Quận công; Hồ Phi Tích đỗ Tiến sĩ làm quan đến Thượng thư, Quỳnh Quận công; Hồ Sĩ Đống đỗ Tiến sĩ, làm quan đến Ngự sử đài Đô Ngự sử, Ban Quận công...

Như vậy, nhiều người trong dòng họ Hồ nhờ học tập, đỗ đạt mà tham gia vào hệ thống quan lại các cấp trong bộ máy nhà nước quân chủ. Điều đó cho thấy trên thực tế việc học của người dòng họ Hồ đã mang lại hiệu quả rõ nét. Và có thể nói, nghề học của dòng họ Hồ là có sản phẩm, chính là học vị và quan tước. Khi quan

tước có bổng lộc, điền sản thì quan tước cũng đã trở thành một thành phần trong cơ cấu kinh tế dòng họ. Vì vậy chuỗi học tập - đỗ đạt - làm quan cũng chính là một dạng đầu tư. Tất nhiên đã là đầu tư thì có lãi ít, lãi nhiều nhưng rõ ràng nghề học của người dòng họ Hồ đã có hiệu quả kinh tế nhất định.

Truyền thống học tập và làm quan đã được người dòng họ Hồ nối tiếp. Điều này cho thấy rằng, nghề học để làm quan đã được người dòng họ Hồ từ xưa đến nay mặc nhận là một sinh kế lý tưởng và có hiệu quả. Việc học để làm quan không đơn thuần chỉ mang lại danh dự, vinh quang cho cá nhân, gia đình, dòng họ mà còn mang lại kinh tế, góp phần xây dựng và phát triển các công việc gia đình dòng họ. Từ phần kinh tế thu được từ học tập, người họ Hồ tiếp tục đầu tư vào công tác học tập. Nhờ sự quay vòng vốn như vậy mà nghề học của dòng họ Hồ ngày càng phát triển, trở thành nghề truyền thống của dòng họ Hồ từ xưa đến nay.

4. Làm quan có trách nhiệm và liêm khiết

Theo *Hồ gia hợp tộc phả kí*, người họ Hồ tham gia vào hệ thống chính trị ở tất cả các cấp. Ngoài những vị làm quan đại thần như Hồ Sĩ Dương, Hồ Sĩ Đống, Hồ Phi Tích... đóng góp lớn trên nhiều phương diện (chính trị, ngoại giao, quân sự, văn học, văn hóa...), thì nhiều người họ Hồ làm quan các cấp cũng có công tích và đóng góp thiết thực đối với các vùng miền địa phương. Nhìn một cách tổng quát, người họ Hồ khi làm quan luôn có tinh thần trách nhiệm phù hợp với chức vị.

Tinh thần trách nhiệm có nhiều sắc thái, có thể hiểu một cách bao quát chính là làm việc có trách nhiệm, hết lòng vì việc chung, vì nhân dân và đặc biệt là rất liêm khiết. Hồ Ước Lễ “cư quan cần cán” 居官勤幹 (làm quan cần cán), Hồ Sĩ Đống làm quan nơi nào cũng có công tích⁸. Hồ Sĩ Vi tính cẩn thận, đôn hậu, nhậm chức Điền sự, am tường chính sự, người ta thường gọi là Phụng Mao⁹. Hồ Sĩ Hoành đức tính trang nghiêm, nhậm chức Viên ngoại lang, lại trải các chức ở hai phủ, yêu thương dân, cần mẫn việc chính sự, được gọi là Hoạt Phật Tử (con của Phật sống)¹⁰. Hồ Sĩ Tuấn làm quan cần mẫn, mất khi làm quan, được thờ tại đền Hiền Lương¹¹...

Từ tư tưởng lấy dân làm gốc, người họ Hồ khi làm quan đều quan tâm đến dân sinh. Hồ Hân khi giúp Lê Lợi đánh giặc Minh, hành quân đến đâu đều giúp cứu giúp dân nghèo. Dân chúng gặp được ông mà giữ được mạng sống¹². Hồ Ước Lễ khi làm quan Chuyển vận sứ huyện Đường Đạo lộ Tuyên Quang (nay thuộc hai huyện huyện Sơn Dương và huyện Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang), ông luôn làm việc công cần mẫn liêm chính, 13 năm làm Chuyển vận sứ mà lộ Tuyên Quang như được từ tuần phúc tinh¹³. Hồ Sĩ Đống khi Nam chinh cũng hết lòng giúp dân Thuận Hóa¹⁴...

Hồ Sĩ Phương trải các chức Tri phủ Thiên Trường, Hạ Hồng. Khi làm Tri phủ Hạ Hồng, đất này (thờ) nhiều loại thủy tộc, từng cướp đoạt phụ nữ đẹp ở trong dân làng. Từ xưa đến nay, dân đều chịu khổ. Nhưng khi cầu mưa cầu tạnh thì đều được

linh ứng, người ta đều lấy làm sợ. Ông khi đến hạt này, nghe chuyện mà ghét lắm. Một ngày nước lớn, lại định cướp lấy dân nữ ở gần phủ. Ông nói: Nhân Kiệt đốt dân từ, Xương Lê đuổi cá sấu, ấy đều là trừ hại cho dân. Ông bèn đốt miếu đó. Vùng ven sông không còn tai họa nữa. Người ta đều coi trọng đức độ, gọi là Từ hàng Đại doãn¹⁵ (quan Tri phủ có lòng từ bi).

Hồ Sĩ Tuần khi đã đỗ khoa danh rồi làm quan, vẫn cung kính như thư sinh. Việc quản lý đều nhờ thiện lương, thanh liêm, cẩn thận mà nổi danh. Khi làm quan ở Kinh, người Tây chiếm giữ lục tỉnh Nam kỳ, thuyền lớn xâm chiếm Đà Nẵng, đòi cắt đất thông thương thì mới chịu rút quân. Triều đình nghị bàn đa phần chủ hòa, duy có ông là dâng sớ chủ chiến, nói lời can gián. Vua chỉ dụ riêng về sự thể của người Tây, chuẩn cho ngoại bổ ở vùng duyên hải An Bang. Nơi này đất xấu, dân ít, ông dốc lòng chăm sóc chúng dân, hưng lợi trừ hại, khắp vùng hân hoan coi trọng. Ông phủ dụ giáo dân xã Yên Trì xung quanh thành trong nhiều năm, kiên trì đợi chờ. Khi ông bị bệnh, xã ấy góp tiền giúp đỡ, lại lập đền ở trong xã phụng thờ. Lý trời ở nhân tâm, không kì thi lương hay giáo¹⁶.

Người họ Hồ khi làm quan đều thể hiện rõ đạo đức liêm khiết, mặc dù đời sống còn khó khăn. Việc liêm khiết này có lẽ phát huy từ tư tưởng “bần nhi lạc” (nghèo mà vui) của Nho gia. Hồ Khắc Kiệm “cư quan thanh giới” 居官清戒 (làm quan thanh liêm), Hồ Phi Hiến “tại quan thanh bản, diệc như hàn sĩ”¹⁷ (làm quan thanh bản, vẫn như học trò nghèo).

Hồ Diễm nhậm chức Tri phủ Anh Đô 13 năm, có tiếng thanh liêm, dân gần gũi như cha mẹ¹⁸. Hồ Sĩ Anh khi nhậm chức ở huyện Kì Hoa, người ta biếu một nia gạo làm lễ, theo lí thì không nên nhận. Người ấy lại đưa cho người nhà nhận thay. Bấy giờ trong nhà không có đến một đấu gạo. Ông cũng chưa ăn. Đến khi cơm chín, ông biết chuyện liền nhịn đói không ăn¹⁹. Cũng trong thời gian Hồ Sĩ Anh làm quan ở Hà Hoa, có thuyền buôn người Hoa đến đây thì bị cướp. Người Hoa báo quan. Ông điều tra thu được hàng hóa khá nhiều. Người Hoa xin chia một nửa làm lễ cảm ơn, nhưng ông không nhận. Người Hoa cho ông là người có đức²⁰.

Với tinh thần làm việc hết trách nhiệm, người họ Hồ giúp dân chống cướp, chống giặc, tham gia tích cực vào việc chống Pháp, thậm chí là hi sinh thân mình. Hồ Bá Ôn thăng chức Án sát sứ tỉnh Nam Định, việc hình luật công minh. Năm Quý Mùi niên hiệu Tự Đức thứ 36 (1883), thuyền quân Đại Pháp đánh Nam Định, ông cùng Đề đốc Lê Diễm đều tử trận, được tặng Quang lộc Tự khanh. Phụ thờ ở đền Trung Nghĩa²¹. Hồ Trọng Đĩnh là người cương trực, ngay thẳng không thiên vị. Vùng duyên hải Quảng Yên nhiều lần bị cướp biển cướp đoạt. Khi ông làm Tuần phủ, chiêu mộ nghĩa binh trong vùng đóng thuyền gia cố bằng sắt để phòng thủ hải phận. Dân trong hạt nhờ đó được yên. Bấy giờ phủ Vạn Ninh bị dân lưu tán ở phương Bắc mưu toan cướp đất của dân, chiếm đoạt tài sản. Ông phụng mệnh úy dụ, đến nơi nào cũng dùng lời để thu phục lòng người, không phiền đến

binh lực triều đình. Năm 1867, thuyền quân Đại Pháp xâm chiếm Hội An, ông phụng mệnh làm Toàn quyền Đại thần, thương thuyết mọi sự ổn thỏa, bên sứ Pháp cũng đồng ý. Ông được thăng Thượng thư bộ Công. Sau khi mất được phụ thờ ở đền Hiền Lương²².

Đạo đức làm quan không mang tính tự nhiên, mà là quá trình giáo dục tu dưỡng từ trong gia đình và xã hội. Theo *Hồ gia hợp tộc phả kí*, người họ Hồ có đức tính nhân hậu, chính trực khoan hòa..., như Hồ Sĩ Anh (đời thứ 10) “tích thiện từ tâm, đốc nhân thiên tính/ 積善慈心, 篤仁天性” (tích tụ lòng lương thiện nhân từ, đốc hết tính trời nhân hậu), Hồ Sĩ Dương (đời thứ 10) “thông minh, thuần túy, anh nghị, khoan hòa/ 聰明純粹英毅寬和” (thông minh, thuần túy, cương nghị, khoan hòa), Hồ Sĩ Hoàn (đời thứ 11) “đức tính trang chính/ 德性莊正” (đức tính trang nghiêm), Hồ Phi Toàn (đời thứ 12) “tính trọng hậu nhi hòa thanh, thuần túy nhi nhã đạm/ 性重厚而和清純粹而雅淡” (tính đôn hậu mà ôn hòa, thuần túy mà nhã nhặn), Hồ Sĩ Tân (đời thứ 13) “đức lượng hoành bác, chính trực tự trì/ 德量宏博正直自持” (đức độ quảng bác, chính trực giữ mình), Hồ Sĩ Tuần (đời thứ 16) “bình tính hòa dị/ 秉性和易” (tính nét hòa đồng, giản dị)... Đức tính này được truyền thừa qua nhiều thế hệ không mang tính tự nhiên mà xuất phát từ giáo dục gia đình. Giáo dục đạo đức gia đình là nền tảng cơ bản nhất của đạo đức và là nền tảng của đạo đức xã hội, trong đó có đạo đức làm quan. Đạo đức rất cần thời gian để quan sát hành vi mới có thể nhận biết và đánh giá. Nhưng đạo đức hoàn toàn có

thể nhận biết qua cảm quan ban đầu, nếu như đạo đức gia đình được nhận biết qua cách giáo dục trong nhà, thì đạo đức xã hội được nhận biết thông qua khoa cử Nho học.

Khoa cử Nho học là thước đo của tri thức Nho học. Giáo dục là nền tảng cơ bản nhất của đạo đức. Có thể nói, đạo đức là một trong những hiệu quả cần có của giáo dục. Vì vậy, đạo đức mặc dù có tính trừu tượng, nhưng đạo đức là tinh thần cốt lõi của giáo dục Nho học, nên chỉ ít có thể được bảo lãnh bởi giáo dục khoa cử Nho học. Nhờ vậy mà người đỗ đạt trong các kì khoa cử về cơ bản đều được bổ dụng, trước tiên là vì họ được coi là có tri thức và đạo đức Nho giáo. Đạo đức xã hội và đạo đức làm quan của dòng họ Hồ cũng được phát huy từ nền giáo dục Nho học như vậy.

Đạo đức và đạo đức làm quan của người họ Hồ còn xuất phát từ đức tin và niềm tin vào thuyết cảm ứng. Người họ Hồ tin vào những điềm lạ, cho rằng tài năng, đức độ hay sự kiện trọng đại của người họ Hồ thường gắn với sự lạ. Theo *Hồ gia hợp tộc phả kí*, “vào một buổi tối, bà Hoàng Thị Tâm thấy một ngôi sao rơi vào ang nước, bà uống nước mà sinh ra ông (Hồ Sĩ Dương). Ông lớn lên thông minh, thuần túy, cương nghị, khoan hòa, đốc chí học hành”²³. Hồ Nhân Hy làm quan ngạch võ đến chức Chỉ huy sứ. Vào ngày sinh ông, cha của ông là Hồ Hoàn Khê mộng thấy một đại quan đến nhà, nghe có người nói: “Có Tướng tinh quý nhân đến nhà đây”. Khi cha của ông tỉnh dậy thì thấy ánh sáng đỏ khắp nhà, một

lúc sau đến giờ Tý thì ông sinh ra, nhân đó đặt tên cho ông²⁴.

Hồ Phi Tích cúng ở chùa Sài Sơn, lễ ở miếu Hát Giang cũng cho thấy Hồ Phi Tích có niềm tin vào sự cảm ứng. Sách *Cùng đạt gia huấn/ 窮達家訓* của Hồ Phi Tích có đoạn: “Năm Mậu Dần, cúng ở chùa Sài Sơn, đêm mộng thấy giữa vách nhà có tờ giấy to như chiếc chiếu, trên viết thơ rằng: *Bình sinh thâm khế thừa long chí; Lai nhật hoàn sinh dẫn phượng chi* (tạm dịch: Thuở bình sinh có thâm tình với chí cười rồng bay; Đến ngày sau lại mọc thêm cành gọi phượng tới). Ngâm nga ý vị câu thơ, ngầm biết là điềm lành gặp minh quân, sinh quý tử. Trong lòng mình lấy làm mừng. Lại cúng ở miếu Hát Giang, mộng thấy thần nhân cho một tờ giấy ghi thơ rằng: *Kỷ Ty dĩ thượng bất túc quý; Kỷ Ty dĩ hạ trúng Tiến sĩ* (tạm dịch: Kỷ Ty về trước không đủ sang; Kỷ Ty về sau trúng Tiến sĩ). Nghĩ là mộng lành, nhưng chưa hiểu rõ. Khoa thi năm Canh Thìn niên hiệu Chính Hòa (1700) thi trúng Tiến sĩ đúng vào ngày Kỷ Ty tháng Tân Ty. Thế mới nghiệm ra mộng “Kỷ Ty”²⁵.

Hồ Sĩ Đồng đỗ Tiến sĩ năm Nhâm Thìn (1772). Khi đó có mây ngũ sắc che trên từ đường dòng họ²⁶. Người chú họ là Hồ Sĩ Nguyên mơ thấy một ông già mặc áo đội mũ, trao cho bài thơ tứ tuyệt, thơ có câu: “Chí nữ ư kim khởi tự long”. Người đoán mộng nói: Chữ “chí” thêm chữ “nữ/女” là chữ “diệt/姪”, “long/龍” tức là Thìn. Ý nói người cháu vào năm Thìn sẽ khởi thân vậy²⁷.

Hồ Sĩ Đồng có niềm tin nhất định vào việc nhập đồng. Năm Quý Mão (1783), Hồ

Sĩ Đồng về quê. Lúc ấy, đền ở tổng Quỳnh Trach huyện Đông Thành (nay thuộc huyện Yên Thành tỉnh Nghệ An) có đồng tử nhập đồng. (Đồng tử) sai thủ từ lấy hai lá cờ thờ thần, viết lên mấy chữ “Cấp phó Khúc Dương thành công chi mĩ”, giao cho thôn ấy rước cho thần Khúc Giang. Thôn ấy thỉnh rằng, vị thần ấy là ai? Đáp: Tham tướng ở Hoàn Hậu Quỳnh Lưu, nay đang đi về phía Nam, đó là thần Khúc Giang. Thôn ấy rước đến nhà ta, người nhà lĩnh nhận rồi rước đến quân doanh. Tiến đến đồn Châu Lâm, nghỉ tại doanh Ninh Quân. Tiên thánh của đền nhập đồng truyền lệnh lấy hai long sàng đặt ngang nội điện, sai người đến quân doanh của ông, xin được gặp mặt. Ông lệnh tùy quân mang kiếm cùng vào. Tiên thánh trông thấy ông đến thì bước ra nghênh đón, đối đãi như chủ với khách, an tọa rồi nói: Xin tướng công ban cho kiếm để làm bùa. Ông ban cho. Tiên thánh rút kiếm đứng dậy múa. Múa xong, đao cảm lưỡi kiếm, lấy lưỡi kiếm cửa sát bụng xong rồi rút ra, máu tươi chảy ra liền lấy hơn trăm tờ giấy trắng nhét vào vết thương. Giấy trắng đỏ hết thì vết thương khép lại. Rồi đưa cho ông nói: Tướng công đi vào vùng trọng địa, xin tặng bùa này, quân sĩ của bản đạo nếu không được yên thì uống tức thì sẽ bớt. Nhưng xin ông cho kiếm này, ngày sau để làm bùa, giúp sinh linh. Ông bèn sai tiểu hiệu lấy bùa để vào trong hòm. Trên đường qua lại, ai nhiễm bệnh uống bùa này thì đều thuyên giảm²⁸.

Sĩ tử Việt Nam thời quân chủ ngoài việc tự tin vào năng lực cá nhân, còn tin vào phúc phận và sự cảm ứng. Ở hầu hết các địa phương Việt Nam đều có văn

miếu, văn từ hoặc văn chỉ. Đây là nơi để thờ Khổng Tử và tiên hiền nhằm mục đích giữ mạch Nho giáo và cũng là để cầu cúng đỗ đạt. Văn bia *Văn từ bi ký* / 文祠碑記 (Tự Đức thứ 20 (1867), số hiệu N^o14037-38) ở Văn chỉ xã Hoàng Xá Hạ (huyện Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay) có đoạn viết: “Hai kỳ tế xuân tế thu có nơi hưởng tế. Như vậy may chăng đạo ta mới được ngậm phù hộ”²⁹. Vì tin vào thuyết cảm ứng nên người họ Hồ luôn tu dưỡng, làm việc thiện lương, giúp đỡ người nghèo. Hồ Sĩ Dương khi làm Chánh sứ đoàn đi sứ Trung Hoa, đêm ngủ tại dịch quán thì mộng thấy một người phụ nữ ôm con khóc lóc xin tha mạng. Lúc tỉnh dậy chưa kịp nói gì thì quan hộ sứ đã giết một con trâu mà không biết con trâu đó đang có mang. Ông biết chuyện, quyết không ăn. Từ đó về sau, ông không bao giờ ăn thịt trâu, dặn con cháu sau này không được phép giết trâu tế tự³⁰. Trong cách ứng xử với quê nhà, người họ Hồ luôn giúp đỡ về tinh thần, vật chất. Hồ Sĩ Dương từ khi làm quan đến lúc về hưu đều quan tâm đến dân nghèo, ông đặt một kho thóc nghĩa, trong thôn ai cưới gả, tang táng thì chu cấp tùy theo độ giàu nghèo. Nhờ vậy mà người dân Quỳnh Đôi vẫn gọi ông là Ông Già Thượng Bụt³¹. Hồ Sĩ Tông khi làm quan xin giảm số binh cho bản thôn, người trong thôn nhờ ơn đức³². Hồ Nhân Hy khi về trí sĩ giúp quê hương xây văn miếu, chùa Quỳnh Thiên³³. Hồ Phi Tích lập 21 mẫu ruộng cho quê nội thôn Quỳnh Đôi, quê ngoại thôn Bào Hậu canh tác. Ông còn làm một con đường tắt, hai cây cầu³⁴. Hồ Trọng Điền khi về hưu nhận dạy học trò, đem tiền

giúp quê hương³⁵. Hồ Trọng Tuấn khi về hưu giúp quê nhà sửa chữa đền miếu, giúp đỡ tiền của cho việc khẩn cấp³⁶...

Ngoài ra, đạo đức làm quan của người họ Hồ là nhờ vào người vợ thiện lương, tần tảo. Bà Trương Thị Thành là phu nhân của Hồ Sĩ Dương, là người hiền đức, lúc bình sinh không màng việc giữ tiền bạc làm giàu. Khi Hồ Sĩ Dương đang làm quan, phu nhân từng dốc sức với kho thóc làm việc nghĩa. Thóc gạo thu được cả năm, trừ tiền chi tiêu còn thừa bao nhiêu phu nhân đều giữ lại, khi nào trong huyện có người đói kém thì cho vay không đòi trả lại, trong thôn có người nghèo thì chu cấp không đòi chi phí. Phu nhân còn giữ một ruộng vài trắng, ba gian nhà để quan tài, ai không có áo mặc thì bà cho vải, người mất không có quan tài thì bà cấp cho quan tài. Phu nhân giữ nhà cần kiệm mà luôn chu cấp rộng rãi, không bao giờ đem cho vay lấy lãi³⁷. Trong cơ cấu kinh tế gia đình, ngoài thành phần kinh tế là bổng lộc, còn có đóng góp của các nghề tiểu thủ công nghiệp do các vị phu nhân đảm nhận. Đàm Thị Quỳnh (La Khê huyện Hoài Đức) là phu nhân của Hồ Phi Tích đưa nghề dệt lụa về Quỳnh Đôi vào khoảng năm 1700. Bà Trương Thị Thành là phu nhân của Hồ Sĩ Dương đưa nghề mộc về Quỳnh Đôi... Những nghề này đã giúp người Quỳnh Đôi và người họ Hồ cải thiện sinh hoạt. Nhờ vậy, đời sống người họ Hồ được ổn định hơn, kinh tế gia đình đủ để đáp ứng nhu cầu học tập của nam giới trong nhà, và những vị làm quan cũng được yên tâm phần nào, không phải quá lo về đời sống gia đình.

Kết luận

Trải qua các triều đại lịch sử, dòng họ Hồ ở Quỳnh Đôi đều có người đỗ đạt và làm quan, tạo nên nét đặc sắc của dòng họ này. Khoa cử không chỉ thể hiện năng lực trí tuệ mà còn là một phần minh chứng của đạo đức. Trong khi đó, người làm quan không chỉ cần năng lực trí tuệ mà còn cần năng lực đạo đức. Chính vì vậy, giáo dục khoa cử với tư cách là nền tảng của trí tuệ và đạo đức, trở thành điều kiện cơ bản để sĩ tử Nho học tham gia vào hoạt động chính trị. Nhờ truyền thừa môi trường giáo dục và nhân văn dòng họ, nhờ năng lực trí tuệ được thể hiện qua khoa cử, nhờ đạo đức được chứng minh qua giáo dục và hành vi ứng xử, người họ Hồ có điều kiện thuận lợi để tham gia vào bộ máy chính trị các cấp thời quân chủ. Không chỉ vậy, nhờ phát huy trí tuệ, năng lực và thể hiện rất rõ đạo đức làm quan, người họ Hồ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình ở mọi chức vị. Xét từ trường hợp họ Hồ xã Quỳnh Đôi để nhìn nhận mối quan hệ giữa giáo dục và trí tuệ, đạo đức, sự nghiệp làm quan, thì giáo dục là nền tảng, trí tuệ đạo đức là hiệu quả trực tiếp của giáo dục, còn sự nghiệp làm quan là hiệu quả trực tiếp của trí tuệ, đạo đức, nhưng suy cho cùng cũng chính là hiệu quả từ nền tảng giáo dục. Nhờ giáo dục phát triển mà sự nghiệp làm quan của dòng họ Hồ cũng phát triển tương ứng, tạo nên tính bền vững trong sự nghiệp giáo dục và làm quan của người họ Hồ trong thời đại quân chủ./*

V.V.B

Chú thích và tài liệu tham khảo

* Chân thành cảm ơn thầy giáo Hồ Phi Dũng, thầy giáo Hồ Sĩ Huân và các thầy giáo

trường Tiểu học và THCS Hồ Tùng Mậu (xã Quỳnh Đôi) đã cung cấp nhiều thông tin hữu ích.

1. *Hồ gia hợp tộc phả kí*/ 胡嘉合族譜記 hiện lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu A.3076. Đây là bản gia phả ghi chép các thế hệ dòng họ Hồ ở xã Quỳnh Đôi huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An, từ Thái thủy tổ Hồ Kha (bản phả này ghi là đời thứ nhất) đến đời thứ 18. *Hồ gia hợp tộc phả kí* ghi chép thế hệ gắn với học tập, học vị và quan chức, ít ghi chép nội dung khác, nên đây không những là bản phả thế hệ mà còn là bản phả khoa bảng của dòng họ Hồ.

2. 《胡嘉合族譜記》：初黎仁宗為太子，公得入侍。及即位詔舉進士，中會試三場，2a 頁。

3. 《胡嘉合族譜記》：胡欣，胡烘之子。公少穎悟，尤精地道。生逢亂世以文籍山水自娛，號居士。及黎太祖開國，公佐命有功祇受管領職。太平年間奉陞驍勝軍同知，正四品。[...]七十致仕，惟以詩書訓子，忠孝傳家，1b 頁。

4. 《胡嘉合族譜記》：文風自此盛矣，1b 頁。

5. 《胡嘉合族譜記》：我族科第文階公之開先也，1b 頁。

6. 《胡嘉合族譜記》：十七歲與二兄同領鄉解，3a 頁。

7. Xem: Ban chấp hành Đảng bộ xã Quỳnh Đôi (2005), *Lịch sử Đảng bộ xã Quỳnh Đôi*, NXB. Lao Động, Hà Nội, tr.269. Theo sách này, ngoài Hồ Sĩ Dương, Hồ Phi Tích, Hồ Sĩ Đống, Hồ Sĩ Tân, Hồ Sĩ Tuấn thì còn có Hồ Ước Lễ (đỗ Tam trường, bản phả của chi có nói ông đỗ Tiến sĩ đệ thời vua Lê Nhân Tông), Hồ Sĩ Tông (đỗ Đệ nhất danh khoa Sĩ vọng) cũng đỗ Tiến sĩ, nên cả dòng họ Hồ có 7 Tiến sĩ.

8. 《胡嘉合族譜記》：所至皆有政績，6a 頁。

9. 《胡嘉合族譜記》：祇受典事，公性謹厚，政事諳練，人稱鳳毛，7b 頁。

10. 《胡嘉合族譜記》：授員外郎，又歷二府愛民勤政辰有稱為活佛子。公德性莊正，7b 頁。

11. 《胡嘉合族譜記》：卒于官，列祀賢良祠，15a 頁。

12. 《胡嘉合族譜記》：公行軍時，所至拯救生民。故當時民被明人所劫橫羅鋒鏑遇公多所全活，2a 頁。

13. 《胡嘉合族譜記》：居官勤幹公廉，十三年轉運使而宣光一路重逢子駿福星，3b 頁。

14. 《胡嘉合族譜記》：順化此歲荒歉，所至發倉賑貧。民懷其惠，11a 頁。

15. 《胡嘉合族譜記》：歷天長，下洪知府。公在下洪辰，其地多水族嘗劫奪民間佳娃艷婦。向來民苦之。第祈暑禱雨立應，人亦畏之。公至轄聞而醜之。一日大水，潛取府旁民女。公曰：仁傑焚淫祠，昌黎驅鱷魚，為民除害也。乃燒其祠。沿江無此禍。人多德之，號曰慈航大尹，8a 頁。

16. 《胡嘉合族譜記》：既擢甲第，登顯宦，恂恂如書生。所治以循良清慎名。京職辰，西人攻陷南圻六省，大輪抵跽囊，求割地通商，方肯罷兵。廷議多主和，公獨抗疏主戰，或彈其敢言。帝特西喻事勢，準外補安邦海濱。地瘠民希，公加心撫字，興利除害，闔境欣欣仰治焉。環城安池社教民撫喻經年，堅押侯旨。[...]病疽，該社捐貲助並立祠于社內祀之。天理在人心，不以良教岐視也，15a 頁。

17. 《胡嘉合族譜記》：在官清貧亦如寒士，27b 頁。

18. 《胡嘉合族譜記》：任英都知府十三年清廉有名，民親如父母，18a 頁。

19. 《胡嘉合族譜記》：公任奇華縣，人有以米箕為。禮理不應受，公却之。其人紹使家人受之。時家無斗米。公未食。及飯熟，公知之，忍饑不食。其清貧如此也，27b 頁。

20. 《胡嘉合族譜記》：士英前任奇華縣，值年荒，北國商船至此為其劫掠。北

人以事聞官。查獲商貨頗多。北人請分其半為謝恩禮，公不受。北人德之，27a 頁。

21. 《胡嘉合族譜記》：陞南定省按察使，刑政公明。嗣德三十六癸未，大法兵船進攻南定，公與題督黎店皆死陣，贈光祿寺卿，附祭忠義祠，24a 頁。

22. 《胡嘉合族譜記》：公為人剛直，守正不阿。廣安海瀕屢為海匪所侵奪。公為巡撫辰，募鄉勇兵造船裝以鐵防守海分。轄民賴以安。辰有萬寧府所被北國流民謀將抑劫土民，占奪財產。公奉命慰諭所至但以片言隻語帖服人心，無煩朝廷兵力。一千八百六十七年，大法兵船抵會安，公奉命為全權大臣，商說事宜，為貴使所許，可陞工部尚書。沒後附祭賢良祠，24b 頁。

23. 《胡嘉合族譜記》：公母黃氏...一夕汲水見流星入甕而生公。既長聰明而純粹，英毅而寬和，篤志于學，5a 頁。

24. 《胡嘉合族譜記》：公生日，其父夢見一大官到家。聞有人曰：將星貴人至矣。覺則赤光徹室。頃至子牌而生公。因命名焉，18b 頁。

25. 《窮達家訓》(本支譜)：戊寅年，應祭于柴山靈寺，夜夢壁間巨紙如席有詩云：平生深契乘龍志，來日還生引鳳枝。玩味詩意陰知遇明君生貴子之祥。乃心獨喜。又奉祭于喝江靈廟，夜夢神人示一紙字詩云：己巳以上不足貴，己巳以下中進士。意知吉夢未解得明。正和二十一年，歲在庚辰，時方三十六歲，應會試科辛巳月己巳日中進士第。始驗己巳之夢，6a 頁。

26. 《胡嘉合族譜記》：壬辰科會試，是年五月初九日，本族祠堂有五色雲覆，10a 頁。

27. 《胡嘉合族譜記》：從叔胡士人願夢衣冠老人授詩一絕有至女於今起自龍之句。閱夢者曰：至字如女字是姪字也。龍即辰也。言今姪當於辰年起身也，10a 頁。

28. 《胡嘉合族譜記》：胡士棟癸卯年十二月進發登程徑回鄉。東城縣蔡澤總侍觀祠押童子命守祠取事旗兩葉，手書給付曲陽成功之美等字，付伊村遞與曲江大神。

伊村請是神為誰，曰：琮留完厚行參相，今有南行是也。伊村遞就本家，家人承領遞就軍次。進至珠林屯，宿在寧軍營。仙聖靈祠押上命取兩龍床橫置內殿，差人就公住營，請相見公領隨軍帶劍同入。仙聖望見公來，步迎對榻分賓主坐定云：願領相公劍作符。公許之。仙聖拔劍起舞。舞訖，倒持劍柄以刃按腹。既而拔出鮮血流注，取白紙百餘納瘡口。白紙盡赤，瘡口隨合。遞與公曰：相公深入重地，原以此符相贈，本道軍士如有少寧，服此即愈。但請公此劍，他日行符以助靈驗。公乃命小校取納匣中。一路往返或有染病，服此符無不痊愈，11a 頁。

29. Vũ Việt Bảng (2022), “Hệ thống di tích Nho giáo trên địa bàn huyện Vĩnh Tường: Nét đặc trưng trong di tích Nho giáo ở Việt Nam”, *200 năm danh xưng Vĩnh Tường*, NXB. Dân Trí, Hà Nội, tr.91-100. Thác bản văn bia N^o14037 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm), nguyên văn: 春秋有享，庶吾道之陰扶。

30. 《胡嘉合族譜記》：奉北使日驛中，夜睡夢見一婦抱子泣告：願公赦命。醒覺未及言則護使官已宰一牛為駕，不覺午有孕。公知不食自是不殺耕牛，囑子孫後日不得以牛祭，6b 頁。

31. 《瓊留風土記》：又置一義倉，村中嫁娶喪葬各隨貧富給賜。俗号翁糶尚亭。

32. 《胡嘉合族譜記》：公在朝時乞減本村兵數。村人德之，8b 頁。

33. 《胡嘉合族譜記》：公致仕時，立本村文廟瓊天寺，18b 頁。

34. 《胡嘉合族譜記》：公致仕時，立惠田二十一畝許內貫瓊堆村，外貫苞厚村萬代繼耕。再立徑路一條，石橋二架，39a 頁。

35. 《胡嘉合族譜記》：黎末，回家授徒。時有出錢供本村費用數多。今本村至忌日拜謁，22a 頁。

36. 《胡嘉合族譜記》：一邑凡有修理廟祠及諸公緊事多所供助，22b 頁。

37. 《胡嘉合族譜記》：夫人義理社張郡公之子，有賢德，平生不以致富為意。公仕辰，夫人嘗致義倉。一年所得穀粟幾何，除消費外所存，悉貯之。一縣中有饑者貸之，不責其償。村中有窮者給之，不計其費。又貯白布一筐，寥無衣者發之。構棺舍三間，死無棺者給之。處家儉而圖周給廣，非發債以求息也，6a 頁。

38. *Bản chi phả*/ 本支譜, tài liệu lưu giữ tại chi Hồ Phi Tích.

39. *Hồ gia hợp tộc phả kí*/胡嘉合族譜記, A.3076.

40. *Hồ gia thế phả*/ 胡嘉世譜, VHv.1387.

41. *Hương biên làng Quỳnh*/ 鄉編廊琮, VNv.103.

42. *Quỳnh Lưu phong thổ kí*/ 瓊瑠風土記, VHv.1377.

43. *Thượng thư Thiếu bảo Duệ Quận công Hồ tướng công từ đường bi ký*/ 尚書少保滴郡公胡相公祠堂碑記, N^o2818/2819 /2820/2821.

44. Vũ Việt Bảng (2022), *Nho giáo và văn hóa dòng họ: Văn bản Hồ Thượng thư gia lễ*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.

45. Hồ Sĩ Giàng (1988): *Từ Thố Đồi trang đến xã Quỳnh Đôi*, NXB. Nghệ Tĩnh, Nghệ An.